

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kiên cố kênh tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý dự chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3236/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng các công trình thuộc chương trình sử dụng nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2020 trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 8041/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát xây dựng công trình kiên cố kênh tưới Đồng Khoai thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 284/TĐ-KTHT ngày 25/12/2020 và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 310/TTr-BQLDA ngày 02/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Kiên cố kênh tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Kiên cố kênh tưới Đồng Khoai, thôn 1, xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn.

2. Loại, cấp công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chủ đầu tư: UBND huyện Triệu Sơn.

5. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư

a) Tuyến số 1, tuyến kênh nhánh N1 và tuyến kênh nhánh N2:

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Diện tích tưới: $F = 35$ ha;
- Lưu lượng yêu cầu tưới: $Q = 0,056$ m³/s;

b) Tuyến số 2:

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Diện tích tưới: $F = 10$ ha;
- Lưu lượng yêu cầu tưới: $Q = 0,016$ m³/s;

5.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Tuyến kênh số 1

- *Tuyến kênh:* Xây dựng mới kênh tưới với chiều dài $L=510,5$ m được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước $b \times h=0,5 \times 0,6$ m, chệch đáy $0,1 \times 0,1$ m; đáy kênh BTXM M200 đá 1×2 cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá 1×2 cm dày 15cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M250 đá 1×2 cm đúc sẵn, kích thước $b \times h \times l = 0,1 \times 0,1 \times 0,65$ m. Hai bên kênh được đắp đất đảm bảo độ chặt $K \geq 0,9$.

- *Công trình trên tuyến:*

+ *Cống qua đường:* Cổng số 1 (K0+181,8), mặt cắt ngang cổng hình chữ nhật kích thước $b \times h=0,5 \times 0,6$ m, chệch đáy $0,1 \times 0,1$ m, chiều dài cổng $L=4,5$ m, đáy cổng BTXM M200 đá 1×2 cm dày 30cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cổng BTXM M200 đá 1×2 cm dày 30cm; phía trên đập tấm đan BTCT M250 đúc sẵn kích thước $b \times l \times h=0,8 \times 4,5 \times 0,2$ m. Cổng số 2 (K0+478,1), mặt cắt ngang cổng hình chữ nhật kích thước $b \times h=0,5 \times 0,45$ m, chệch đáy $0,1 \times 0,1$ m, chiều dài cổng $L=4,5$ m, đáy cổng BTXM M200 đá 1×2 cm dày 30cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cổng BTXM M200 đá 1×2 cm dày 30cm; phía trên đập tấm đan BTCT M250 đúc sẵn kích thước $b \times l \times h=0,8 \times 4,5 \times 0,15$ m.

+ *Cửa chia nước:* Trên tuyến bố trí 4 cửa chia nước tại các vị trí (K0+103,2 tả; K0+178,8 tả; K0+476,2 tả; K0+481,2 tả), mặt cắt ngang hình chữ nhật kích thước $b \times h=0,5 \times 0,6$ m, chệch đáy $0,1 \times 0,1$ m, chiều dài $L=1,5$ m, đáy cửa BTXM M200 đá 1×2 cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cửa BTXM M200 đá 1×2 cm dày 15cm; đóng mở bằng các tấm phai kích thước $b \times l \times h=20 \times 60 \times 5$ cm bằng BTCT M250 đá 1×2 cm.

+ *Tiểu cầu:* Trên tuyến bố trí 4 tiểu cầu tại các vị trí (K0+42,4 hữu; K0+70,7 hữu; K0+172,3 hữu; K0+381,8 hữu), được lắp ghép bằng các ống

BTCT LTΦ30 dài 1,0m, dày 5cm, đặt trên bệ móng BTXM M200 đá 1x2cm; đóng mở bằng cánh cửa BTCT M250 đá 1x2cm, kích thước bxlxh=30x30x5cm.

b) Tuyến kênh nhánh N1

Xây dựng mới kênh tưới với chiều dài L=97,3m được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước bxh=0,5x0,6m, chệch đáy 0,1x0,1m; đáy kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M250 đá 1x2cm đúc sẵn, kích thước bxhxl =0,1 x 0,1 x 0,65m. Hai bên kênh được đắp đất đầm trịn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,9$.

c) Tuyến kênh nhánh N2

- *Tuyến kênh:* Xây dựng mới kênh tưới với chiều dài L=150,5m được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước bxh=0,5x0,6m, chệch đáy 0,1x0,1m; đáy kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M250 đá 1x2cm đúc sẵn, kích thước bxhxl =0,1 x 0,1 x 0,65m. Hai bên kênh được đắp đất đầm trịn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,9$.

- *Công trình trên tuyến:* Trên tuyến bố trí 2 tiêu cầu tại các vị trí (K0+48,4 hữu; K0+131,3 hữu), được lắp ghép bằng các ống BTCL LTΦ30 dài 1,0m, dày 5cm, đặt trên bệ móng BTXM M200 đá 1x2cm; đóng mở bằng cánh cửa BTCT M250 đá 1x2cm, kích thước bxlxh=30x30x5cm.

d) Tuyến kênh số 2

- *Tuyến kênh:* Xây dựng mới kênh tưới với chiều dài L=154,3m được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước bxh=0,4x0,5m, chệch đáy 0,1x0,1m; đáy kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M250 đá 1x2cm đúc sẵn, kích thước bxhxl =0,1 x 0,1 x 0,55m. Hai bên kênh được đắp đất đầm trịn đảm bảo độ chặt $K \geq 0,9$.

- *Công trình trên tuyến:*

+ *Cống qua đường:* Công tại K0+62,15, mặt cắt ngang cống hình chữ nhật kích thước bxh=0,4x0,50m, chệch đáy 0,1x0,1m, chiều dài cống L=3,5m, đáy cống BTXM M200 đá 1x2cm dày 30cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cống BTXM M200 đá 1x2cm dày 30cm; phía trên đập tấm đan BTCT M250 đúc sẵn kích thước bxlxh=0,7 x 3,5 x 0,15 m.

+ *Cửa chia nước:* Trên tuyến bố trí 1 cửa chia nước tại vị trí K0+60,0 hữu, mặt cắt ngang hình chữ nhật kích thước bxh=0,4x0,5m, chệch đáy 0,1x0,1m, chiều dài L=1,5m, đáy cửa BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành cửa BTXM M200 đá 1x2cm dày 15cm; đóng mở bằng các tấm phai kích thước bxlxh=25x55x5cm bằng BTCT M250 đá 1x2cm.

6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**6.1. Giá trị dự toán: 959.547.000 đ.***(Chín trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng)*

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	807.554.000 đ
- Chi phí QLDA	22.817.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	116.126.000 đ
- Chi phí khác	13.050.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)***6.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ, phát triển đất trồng lúa năm 2020.**7. Hình thức quản lý dự án:** Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2020 - 2021.**Điều 2.** Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH**Vũ Đức Kính**

DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: KIÊN CỐ KÊNH TƯỚI ĐỒNG KHOAI THÔN 1, XÃ THỌ TÂN,
HUYỆN TRIỆU SƠN**

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	734.140.000	73.414.000	807.554.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	22.817.071		22.817.071
III	CHI PHÍ TVĐTXD	105.568.728	10.556.873	116.125.601
1	Khảo sát địa hình	40.979.091	4.097.909	45.077.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	45.516.680	4.551.668	50.068.348
3	Giám sát thi công xây dựng	19.072.957	1.907.296	20.980.253
IV	CHI PHÍ KHÁC	12.128.668	921.165	13.049.832
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	182.314		182.314
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.734.708		2.734.708
3	Kiểm toán	9.211.646	921.165	10.132.811
	TỔNG CỘNG	874.654.467	84.892.037	959.546.505
	LÀM TRÒN			959.547.000
<i>Chín trăm năm mươi chín triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng./.</i>				